TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 4 - 2023
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần H, sinh năm 1964.

- *Bị đơn*: Bà Tăng Thị M, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần H trình bày:

Chúng tôi đến với nhau trên cơ sở quen biết và có tình cảm với nhau, sau đó chúng tôi có tổ chức đám cưới và chuyển về làm ăn, sống chung với nhau từ năm 1992 đến nay và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau được 02 người con chung là:

- Cháu Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1994.

- Cháu Trần Phước H2, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1996.

- Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, làm ăn với nhau từ năm 1992 đến năm 2009 thì vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2009 đến nay thì vợ chồng tôi bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hay xảy ra cãi vã, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống không thể dung hòa được, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau, cuộc sống vợ chồng không được vui vẻ, hạnh phúc.

Do đó, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, không còn chung điểm sống và làm việc. Lâu dần, việc này khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên mờ nhạt, xa cách dần, hiện nay đã không còn tình cảm gì với nhau nên vợ chồng tôi đã sống ly thân được một khoảng thời gian tương đối dài. Tôi đã cố gắng níu kéo mối quan hệ hôn nhân này vì con cái. Nhưng đến nay được sự đồng thuận của các con và sự nhất trí của vợ, bản thân tôi cũng nhận thấy việc kéo dài mối quan hệ hôn nhân của mình không có kết quả, không thể dung hòa và tha thứ thêm được nữa, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, mục đích hỗn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn vui vẻ, hạnh phúc. Vì quá mệt mỏi về mối quan hệ hôn nhân như thế này, nên tôi quyết định ly hôn. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể như sau:

1. Tôi có nguyện vọng xin được Tòa án giải quyết công nhận tôi Trần H và bà Tăng Thị M không phải là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Do hiện nay con chung đã trên 18 tuổi, việc chung sống với ai tùy thuộc vào nguyện vọng của 02 cháu nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tăng Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi nhất trí như lời trình bày của ông Trần H, Tôi và ông Trần H đến với nhau trên cơ sở quen biết và có tình cảm với nhau, sau đó chúng tôi có tổ chức đám cưới và chuyển về làm ăn, sống chung với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

- Thời gian đầu chúng tôi chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau được 02 người con chung là: 1. Cháu: Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 02/10/1994; 2. Cháu: Trần Phước H2, sinh ngày 17/ 5/1996.

Trong quá trình chung sống, làm ăn với nhau từ năm 1992 đến năm 2009 thì vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2009 đến nay thì vợ chồng tôi bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hay xảy ra cãi vã, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống không thể dung hòa được, không có sự tôn trọng, chia sẻ với nhau, cuộc sống vợ chồng không được vui vẻ, hạnh phúc. quan Do đó, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, không còn chung điểm sống và làm việc. Lâu dần, việc này khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên mờ nhạt, xa cách dần, hiện nay đã không còn tình cảm gì với nhau nên vợ chồng tôi đã sống ly thân được một khoảng thời gian

tương đối dài. Tôi đã cố gắng níu kéo mối quan hệ hôn nhân này vì con cái. Nhưng đến nay được sự đồng thuận của các con và sự nhất trí của chồng tôi, bản thân tôi cũng nhận thấy việc kéo dài mối quan hệ hôn nhân của mình không có kết quả, không thể dung hòa và tha thứ thêm được nữa, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, mục đích hỗn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn vui vẻ, hạnh phúc. Vì quá mệt mỏi về mối quan hệ hôn nhân như thế này, nên chồng tôi là ông Trần H nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với tôi thì tôi đồng ý. Tôi có nguyện vọng xin được Tòa án giải quyết công nhận tôi Trần H và bà Tăng Thị M không phải là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*:* Trong quá trình chung sống ông Trần H và tôi có 02 con chung là cháu Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 02/10/1994 và cháu Trần Phước H2, sinh ngày 17/5/1996. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi, việc chung sống với ai tùy thuộc vào nguyện vọng của 02 cháu, ông Trần H không yêu cầu Toà án giải quyết nên tôi đồng ý với nguyện vọng của Ông H.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H. Về hôn nhân: Tuyên không công nhận ông Trần H và bà Tăng Thị M là vợ chồng; Về con chung: Hiện các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn cư trú tại Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nguyên đơn ông Trần H và bị đơn bà Tăng Thị M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần H và bà Tăng Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, ông bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ông H có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông H và bà M. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần H và bà Tăng Thị M.

[2.2] Về con chung: Các con chung Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 02/10/1994 và Trần Phước H2, sinh ngày 17/5/1996 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần H và bà Tăng Thị M.

Về con chung: Các con chung Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 02/10/1994 và Trần Phước H2, sinh ngày 17/5/1996 đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016896 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thành Tâm